TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2023/DS-PT
Ngày: 17 - 03 - 2023
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thám

Các Thẩm phán:

- Ông Lưu Hữu Giàu;

- Ông Trương Văn Hai.

- Thư ký phiên toà: Bà Võ Thị Mộng Cầm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Phước Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 03 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 13/2023/TLPT-DS ngày 01 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 270/2022/DS-ST ngày 25 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 17/2023/QĐ-PT, ngày 01 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Văn N, sinh năm 1941, (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ 15, ấp LH 1, xã LH, huyện PT, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông Võ Văn B (Phúc), sinh năm 1966, (có mặt)

Nơi cư trú: Số 104, tổ 2, ấp LT 2, xã LH, huyện PT, tỉnh An Giang.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Võ Văn B: Luật sư Bùi Trần Phú T, Văn phòng Luật sư Phú Thư – Đoàn Luật sư An Giang. (có mặt)

Địa chỉ văn phòng: Số 07, H3, khóm ĐT 8, phường MP, thành phố LX, tỉnh An Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1967, (có mặt);

Nơi cư trú: Số 104, tổ 2, ấp LT 2, xã LH, huyện PT, tỉnh An Giang.

3.2. Ông Võ Duy T, sinh năm 1988, (vắng mặt);

3.3. Ông Võ Văn V, sinh năm 1991, (vắng mặt).

Cùng nơi cư trú: Số 366, tổ 15, ấp LH 1, xã LH, huyện PT, tỉnh An Giang.

4. Người kháng cáo: Ông Lê Văn N là nguyên đơn trong vụ án.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, Viện kiểm sát không có kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ cấp sơ thẩm thể hiện:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và lời khai trong quá trình giải quyết nguyên đơn ông Lê Văn N trình bày:

Cha mẹ ông N là cụ Lê Văn Q (chết năm 1985) và cụ Nguyễn Thị L (chết năm 1969) có 8 người con gồm: Lê Thị M; Lê Thị M2 (chết năm 2013); Lê Văn N; Lê Thị N2 (chết ngày 16/6/2018); Lê Văn D; Lê Thị N3; Lê Thị C2; Lê Thị B2. Khi còn sống, cụ Q và cụ L có tạo lập được rất nhiều đất sản xuất nông nghiệp và đất thổ cư tại xã LH, huyện PT. Không nhớ thời gian nào, khi cha mẹ còn sống có đứng ra phân chia đều cho các con đất nông nghiệp và đất ở, ai cũng có phần. Khi phân chia tuy không có làm giấy tờ nhưng các anh em ông N không ai tranh chấp từ khi được chia cho đến nay.

Trong số đất cụ Q và cụ L phân chia thì có một phần đất thổ cư tại xã LH, huyện PT có chiều ngang giáp mặt lộ 954 là 16m; chiều dài từ lộ 954 đến mé sông Cái Vừng khoảng 25m, phần đất thổ cư này cụ Q và cụ L chia cho 02 người con trai là Lê Văn N và Lê Văn D mỗi người 8m chiều ngang. Phần đất của ông D được hưởng thì ông D xây cất nhà ở kiên cố xong, còn phần đất của ông N được hưởng ông cho em ruột là bà Lê Thị B2 cất một căn nhà tre lá tạm bợ ở nhờ. Năm 2008, do điều kiện kinh tế khó khăn nên bà B2 phải đi làm ăn xa, lúc này bà M2 là mẹ ruột của Võ Văn B có đến gặp ông N xin giao căn nhà tre lá cùng nền đất của bà B2 cho ông Võ Văn B quản lý sử dụng, hứa khi nào ông B có nhà ở ổn định sẽ trả lại. Do ông B ở nhờ trên đất của ông N nên năm 2013, ông B được Ủy ban nhân dân huyện PT xét cấp cho một nền đất tại tuyến dân cư K5 thuộc xã LH với diện tích 5m x 17m để ổn định chỗ ở. Tuy được cấp nền nhà có chỗ ở ổn định nhưng ông B vẫn không đồng ý giao trả lại nền đất cho ông N để ông tiến hành kê khai đăng ký Quyền sử dụng đất mặc dù nhiều lần ông đã nhắc nhở.

Việc cụ Q và cụ L cho đất các con không làm giấy tờ, các con đều biết. Việc cho bà B2 và bà M2 mượn đất các anh chị em của N biết, việc cho mượn chỉ nói miệng không làm giấy tờ.

Ngày 12/5/2021, ông B đã tháo dỡ toàn bộ căn nhà và mua vật liệu xây dựng dự định xây cất lại căn nhà mới. Phát hiện sự việc, ông N có đơn gửi đến Ủy ban nhân dân xã LH và quá trình Ủy ban nhân dân giải quyết thì diện tích thực tế nền đất nêu trên chiều ngang chỉ còn 7,2m x dài 24m và ông N đồng ý tiếp tục cho ông B ở nhờ 4m chiều ngang, còn lại 3,2m ông yêu cầu lấy lại sử dụng nhưng Bút vẫn không đồng ý. Nay khởi kiện ông yêu cầu ông B trả lại diện tích 180m^2 để ông cho bà B2 cất nhà.

Tại phiên tòa ông N trình bày: Cụ Q cho đất khi ông vừa cưới vợ sinh con, sau khi cho đất được hai năm thì ông cho bà B2 ở nhờ trên đất. Trước khi bà B2 ở nhờ đất, trên đất có căn nhà lá của cha mẹ ông. Khi bà B2 không ở nữa thì ông B xin ở nhờ. Ông N cho ông B mượn đất ở nhờ khi đứa con thứ nhất của ông B được khoảng 4 đến năm tuổi, đứa con thứ hai là Võ Duy T, sinh năm 1988 vừa mới sinh được vài tháng. Từ khi ông B cất nhà sinh sống ở trên đất đến năm 2021 có sửa lại nhà 3-4 lần, không tranh chấp. Nền nhà trên đất tranh chấp là do ông B cuốn, ông B cuốn nền nhà lén lút nên ông không biết vì thế không ngăn cản. Từ khi cụ Q cho đất đến nay ông không sử dụng đất nên không có giấy tờ gì chứng minh quyền sử dụng đất.

Ông rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, ông yêu cầu bị đơn trả lại đất đã bó nền có diện tích 30,2m^2, thuộc tờ bản đồ số 31, số thửa 187 tại các điểm 12, 8, 14, 11 của sơ đồ hiện trạng khu đất được Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh PT lập ngày 08/4/2022.

- *Bị đơn ông Võ Văn B trình bày:* Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông ngoại của ông B là cụ Lê Văn Q. Trước năm 1983 vợ chồng ông không có đất ở nên cụ Lê Văn Q có nói với vợ ông là bà Nguyễn Thị H cho vợ chồng ông B nền nhà gần mé sông 5m chiều ngang và dài từ mé lộ 954 đến mé sông Cái Vừng, lúc cụ Q kêu cho không làm giấy tờ, không người chứng kiến. Bà H cất nhà tre sinh sống trên diện tích đất nêu trên. Năm 1985 ông đi lính trở về nhà, không nhớ năm nào ông sửa lại nhà nhưng cũng là nhà tre, nền đất. Khoảng năm 1991- 1992 do nhà xuống cấp nền nhà cặp mé sông sạt lỡ nhưng không lở đến nền nhà nên ông lại tiếp tục sửa lại nhà, cuốn nền, nhà cất bằng cây. Từ khi được cho đất, cất nhà, gia đình ông nhiều lần sửa chữa nhà nhưng không ai có ý kiến hay tranh chấp. Đến tháng 3 âm lịch năm 2021 nhà xuống cấp, đường lộ đã được nâng lên, nền nhà ông thấp hơn đường lộ nên ông dỡ nhà để xây cất lại thì ông N đến yêu cầu ông để lại ngang 1,5m cho bà B2 cất nhà ở. Diện tích đất tranh chấp ngang 7.2m, nhà ông ngang 5,4m phần còn lại là đường đi ra mé sông, làm bến gánh trâu, do đó ông B không đồng ý.

Khoảng hơn mười năm trước do nhà ông B thuộc khu vực sạt lở nên chính quyền địa phương vận động vợ chồng ông dời về tuyến dân cư, tại đó vợ chồng ông được cấp một nền nhà. Vợ chồng dời về tuyến dân cư ở, còn nhà ở mé sông thì để lại con trai Võ Duy T sinh sống. Anh Thanh ở được khoảng 2 năm thì đi làm ăn, lễ tết mới về.

Trước năm 1983, bà Lê Thị B2 được cụ Q cho nền nhà cặp nền nhà của ông, sau đó bà bỏ đi nơi khác sinh sống, cậu sáu là ông Lê Văn D lấy nền nhà của bà B2

cho cha vợ ở nhờ, sau khi cha vợ ông D mất thì con ông D ở. Nay bà B2 trở về không còn đất cất nhà nên ông N kêu ông cắt 1.5m cho bà B2 cất nhà. Vì thế ông B không đồng ý với yêu cầu của ông Lê Văn N.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H trình bày*:

Năm 1983 chồng ông B đi lính, ông ngoại chồng là cụ Lê Văn Q cho vợ chồng bà cái nền nhà gần mé sông 5m chiều ngang và dài từ mé lộ 954 đến mé sông Cái Vừng, lúc ông ngoại kêu cho không làm giấy tờ, không người chứng kiến. Nhưng khi bà cất nhà tre trên nền đất thì có các cậu ông Lê Văn D, ông Lê Văn N, ông Nguyễn Văn M4, ông Lê Văn Đ3, bà Nguyễn Thị P chứng kiến và cụ Q là người chỉ vị trí cất nhà. Từ khi cất nhà đến năm 2021 không xảy ra tranh chấp, nhưng đến tháng 3 âm lịch năm 2021 bà Lê Thị B2 về cất nhà, không có đất cất nên ông N kêu vợ chồng bà để cho bà B2 1.5m cộng thêm ½ diện tích bến gánh trầu để bà B2 cất nhà, vợ chồng bà không đồng ý nên xảy ra tranh chấp. Bà H không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa ông B và Bà H xác định: Cụ Q cho đất ông bà vào năm 1988. Quá trình sử dụng đất ông bà sử dụng điện chung với nhà ông Lê Văn D, bơm nước từ dưới sông lên sử dụng. Ông bà có liên hệ Uỷ ban nhân dân xã LH xin kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng chính quyền cho biết đất không được quy hoạch làm đất ở nên không làm thủ tục cấp giấy. Ngoài ra, không có giấy tờ gì chứng minh quyền sử dụng đất.

Đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Võ Văn V và anh Võ Duy T trình bày: thống nhất với toàn bộ ý kiến của cha mẹ là ông Võ Văn B và bà Nguyễn Thị H đối với vụ việc tranh chấp.

Tại công văn số 1358/UBND-TNMT ngày 27/5/2022 cảu Ủy ban nhân dân huyện PT thể hiện: Căn cứ Quy hoạch sử dụng đất huyện PT thời kỳ 2021 -2030 được ủy ban nhân dân tỉnh An Giang phê duyệt tại Quyết định số 3069/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 và căn cứ hồ sơ địa chính đang quản lý, Ủy ban nhân dân huyện PT có ý kiến như sau: Phần diện tích 53,5m^2 thuộc một phần thửa đất số 187, tờ bản đồ số 31 theo sơ đồ hiện trạng khu đất tỷ lệ 1/500 được Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh PT lập ngày 08/4/2022 nằm trong khu vực quy hoạch đất ở tại nông thôn và thuộc trường hợp được xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 270/2022/DS-ST ngày 25 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang, Quyết định:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn N đối với 149,8m^2 đất tọa lạc tại xã LH, huyện PT, tỉnh An Giang.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn N yêu cầu ông Võ Văn B trả lại 30,2m^2 đất tọa lạc tại ấp LH 1, xã LH, huyện PT, tỉnh An Giang tại các điểm 12,8,14,11 nằm trong diện tích 53.5m^2 tại các điểm 7, 8, 9, 10 thuộc tờ bản đồ số 31, thửa 187 theo Sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng Đăng

ký đất đai chi nhánh PT lập ngày 08/4/2022.

Sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh PT lập ngày 08/4/2022 là một phần của bản án sơ thẩm.

Ngoài ra bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, đến ngày 30 tháng11 năm 2022, ông Lê Văn N nộp đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung vụ án và sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 270/2022/DS-ST ngày 25 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Võ Văn B phải trả lại cho nguyên đơn toàn bộ diện tích đất chiều ngang 7,2m x dài 25m = 180m^2 tại ấp LH 1, xã LH, huyện PT, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Lê Văn N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo. Buộc ông Võ Văn B phải trả lại cho nguyên đơn toàn bộ diện tích đất chiều ngang 7,2m x chiều dài 25m = 180m^2 đất tọa lạc tại ấp LH 1, xã LH, huyện PT, tỉnh An Giang.

Bị đơn ông Võ Văn B yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông N giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị đơn có ý kiến: Ông N kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 270/2022/DS-ST ngày 25 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Quá trình cấp phúc thẩm thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Văn N kháng cáo nhưng không cung cấp, bổ sung được tài liệu, chứng cứ mới. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 270/2022/DS-ST ngày 25 tháng 11 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang; nguyên đơn được miễn án phí phúc thẩm do thuộc trường hợp người cao tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Sau khi xét xử sơ thẩm, đến ngày 30 tháng 11 năm 2022 ông Lê Văn N nộp đơn kháng cáo trong hạn luật định, theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, ông N là người cao tuổi và có đơn nên được miễn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[1.2]. Đối với sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Võ Duy T và ông Võ Văn V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do. HĐXX phúc thẩm vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Nguyên đơn và bị đơn đều xác định nguồn gốc đất tranh chấp do cụ Lê Văn Q để lại, cụ Q là cha của ông N và là ông ngoại của ông B, ông N với ông B có mối quan hệ cậu cháu. Ông B cất nhà và sử dụng đất từ năm 1988 đến năm 2021 không ai tranh chấp.

[2.2]. Ông Lê Văn N khởi kiện yêu cầu ông Võ Văn B trả lại phần đất diện tích là 30,2 m^2, đất tọa lạc tại xã LH, huyện PT, tỉnh An Giang, qua xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc xác định đất tranh chấp 30,2 m^2 tại các điểm 11, 12, 13, 14 nằm trong diện tích 53.5m^2 tại các điểm 7, 8, 9, 10 theo sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh PT lập ngày 08/4/2022, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[3]. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét yêu cầu kháng cáo của ông N: Ông N khởi kiện yêu cầu ông B trả lại đất, nhưng ông N không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh việc cụ Q cho đất ông N và ông N cho ông B mượn đất. Theo xác minh của Tòa án cấp sơ thẩm thì kết quả xác minh cán bộ địa chính xã LH, huyện PT, tỉnh An Giang, diện tích đất tranh chấp từ trước đến nay không ai kê khai và cũng chưa có ai đứng tên trong sổ đăng ký ruộng đất, sổ địa chính. Ông N cũng không có các giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo Điều 18 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đất đai. Gia đình ông B đã cất nhà ở trên đất và sử dụng đất liên tục, ổn định từ năm 1988 đến nay. Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông N là hoàn toàn có cơ sở.

[4]. Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy trong quá trình kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm ông Lê Văn N không cung cấp được chứng cứ mới để Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét. Do đó, nghĩ nên chấp nhận quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm. Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn N. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 270/2022/DS-ST ngày 25/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang.

[5]. Về án phí: ông Lê Văn N là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Phúc xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn N. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 270/2022/DS-ST ngày 25/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang.

Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157, Điều 165; khoản 2 Điều 227; Điều 244; Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 203 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn N đối với 149,8m^2 đất tọa lạc tại xã LH, huyện PT, tỉnh An Giang.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn N yêu cầu ông Võ Văn B trả lại 30,2m^2 đất tọa lạc tại ấp LH 1, xã LH, huyện PT, tỉnh An Giang tại các điểm 11, 12, 13, 14 nằm trong diện tích 53.5m^2 tại các điểm 7, 8, 9, 10 thuộc tờ bản đồ số 31, thửa 187 theo Sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh PT lập ngày 08/4/2022.

Sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh PT lập ngày 08/4/2022 là một phần không thể tách rời bản án.

3. Về chi phí tố tụng:

Ông N phải chịu chi phí tố tụng 3.284.400 đồng (ông N đã nộp xong).

4. Về án phí: Ông N được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện PT;
- VKSND huyện PT;
- Chi cục THADS huyện PT;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Phòng KTNV & THA, Tòa Dân sự, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hoàng Thám